

Số: **52/2026/QĐST-DS**

Thanh Hóa, ngày 21 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 6; Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 13 tháng 3 năm 2026 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 126/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* 1. Công ty cổ phần M (gọi tắt là Công ty).

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, số B Phố T, phường Y, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T, chức vụ: TGD.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phúc T1, chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ Auto.

Người được ủy quyền lại: Ông Lường Hữu Q, chức vụ: Cán bộ xử lý nợ.

Địa chỉ liên hệ: Tầng C, Tòa nhà B Đại lộ L, phường H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là Ngân hàng).

Địa chỉ: Số H, L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Như G, chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ Pháp lý tích Tịch hợp 2.

Người được ủy quyền lại: Ông Hà Văn T2, chức vụ: Cán bộ xử lý nợ.

Địa chỉ liên hệ: Tầng C, Tòa nhà B Đại lộ L, phường H, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị T3, sinh năm 1986 và ông Lê Văn T4, sinh năm 1985.

Đều trú tại: Thôn B, xã X, huyện T (nay là thôn B, xã S), tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Các đương sự thống nhất thỏa thuận: bà Phạm Thị T3 và ông Lê Văn T4 còn nợ của Ngân hàng và Công ty tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 13/3/2026 là: 478.435.747 đồng (trong đó: nợ gốc là 389.672.435 đồng; nợ lãi là 88.763.312 đồng), cụ thể:

Bà T3, ông T4 còn nợ Công ty tổng số tiền tính đến ngày 13/3/2026 là: 449.808.375 đồng (trong đó: nợ gốc là 370.188.813 đồng; nợ lãi là 79.619.562 đồng);

Bà T3, ông T4 còn nợ Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 13/3/2026 là: 28.627.372 đồng (trong đó: nợ gốc là 19.483.622 đồng; nợ lãi là 9.143.750 đồng).

Và tiền lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng từ ngày 14/3/2026 cho đến ngày bà T3, ông T4 thanh toán hết nợ cho Công ty và Ngân hàng. Lãi phát sinh phải trả cho Công ty và Ngân hàng tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ theo Hợp đồng mua bán nợ. Bà T3, ông T4 chấp nhận trả khoản nợ cho Ngân hàng và Công ty.

2.2. Về phương án trả nợ: Các bên đương sự thống nhất thỏa thuận:

Chậm nhất đến ngày 26/3/2026 bà T3, ông T4 phải trả tiền cho Ngân hàng và Công ty tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 13/3/2026 là 478.435.747 đồng (trong đó: nợ gốc là 389.672.435 đồng; nợ lãi là 88.763.312 đồng), cụ thể:

Bà T3, ông T4 còn nợ Công ty tổng số tiền tính đến ngày 13/3/2026 là: 449.808.375 đồng (trong đó: nợ gốc là 370.188.813 đồng; nợ lãi là 79.619.562 đồng);

Bà T3, ông T4 còn nợ Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 13/3/2026 là: 28.627.372 đồng (trong đó: nợ gốc là 19.483.622 đồng; nợ lãi là 9.143.750 đồng).

Và tiền lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ cho Công ty và Ngân hàng. Lãi phát sinh bà T3, ông T4 phải trả cho Công ty và Ngân hàng tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ theo Hợp đồng mua bán nợ.

Nếu sau ngày 26/3/2026, bà T3 và ông T4 không thực hiện được theo thỏa thuận thì Ngân hàng và Công ty có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô, nhãn hiệu HONDA City RS, số khung RLHGN268XMY005738, số máy L15ZC1008520. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS: 36A-701.92 do Phòng Công an tỉnh T cấp, đứng tên bà Phạm Thị T3 theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số LN2111254777522 ngày 08/12/2021 được ký kết giữa Ngân hàng và bà T3, ông T4.

2.3. Về án phí: Các bên đương sự thống nhất thỏa thuận: bà Phạm Thị T3 và ông Lê Văn T4 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 11.568.700đ (mười một

triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm đồng).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 621.000 đồng (*sáu trăm hai mươi một nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0002585 ngày 04/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

Trả lại cho Công ty cổ phần M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.405.000 đồng (*mười triệu bốn trăm linh năm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0002367 ngày 29/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND Khu vực 8 – Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hoa